

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: 2802/2006/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 09 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách các huyện, thành phố Huế và giữa ngân sách các huyện, thành phố Huế với ngân sách từng xã, phường, thị trấn từ năm 2007 đến năm 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 2751 /2006/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương từ năm 2007 đến năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 7b/2006/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 7 về tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách các huyện, thành phố Huế và giữa ngân sách các huyện, thành phố Huế với ngân sách từng xã, phường, thị trấn từ năm 2007 đến năm 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách các huyện, thành phố Huế (gọi chung là huyện) và giữa ngân sách các huyện, thành phố Huế với ngân sách từng xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã); các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100 % có hỗ trợ lại một phần cho ngân sách các huyện theo nội dung như sau:

I. Các khoản thu ngân sách các cấp hưởng 100%

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

a) Thu từ các khoản phải nộp ngân sách theo qui định của pháp luật (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, phí, thuế tài nguyên...) hạch toán theo mục lục NSNN từ:

- Doanh nghiệp nhà nước và sự nghiệp công lập có hoạt động kinh tế do trung ương và tỉnh quản lý trên địa bàn;
- Doanh nghiệp trong nước có vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý;
- Doanh nghiệp liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài;
- Doanh nghiệp trong tỉnh được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư ra nước ngoài;
- Các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, các Khu Công nghiệp do UBND tỉnh (hoặc ủy quyền cho các Ban Quản lý Khu) cấp giấy phép hoạt động (Không gồm thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu ngân sách Trung ương hưởng 100% theo qui định).

b) Các khoản thu từ các hoạt động khác:

- Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, tiền đền bù thiệt hại về đất thu từ quỹ đất do cấp tỉnh quản lý;
- Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;
- Thu nhập từ vốn góp của ngân sách tỉnh, tiền thu hồi vốn của ngân sách tỉnh tại các cơ sở kinh tế, thanh lý tài sản và các khoản thu khác của doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý, phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật; thu từ quỹ dự trữ tài chính của tỉnh;
- Các khoản phí, lệ phí do các đơn vị cấp tỉnh thu phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật (không kể lệ phí trước bạ);
- Phí xăng dầu;
- Các khoản thu sự nghiệp của các đơn vị cấp tỉnh phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật;
- Huy động từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng do tỉnh quản lý theo qui định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN;
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do tỉnh quản lý;
- Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu của các cơ quan trung ương và cơ quan thuộc tỉnh quản lý theo qui định pháp luật nộp ngân sách tỉnh;
- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho tỉnh theo qui định của pháp luật;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;
- Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước sang năm sau;
- Thu kết dư ngân sách tỉnh;
- Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh theo qui định pháp luật;

2. Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%

a) Thu từ các khoản phải nộp ngân sách theo qui định của pháp luật (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, phí, thuế tài nguyên...) hạch toán theo chương của đơn vị theo mục lục NSNN từ các đơn vị:

- Doanh nghiệp tư nhân (trừ doanh nghiệp trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, các Khu Công nghiệp do UBND tỉnh hoặc ủy quyền cho các Ban Quản lý Khu cấp giấy phép hoạt động được quy định tại điểm I.1);

- Sự nghiệp công lập có hoạt động kinh tế do huyện quản lý;

- Doanh nghiệp có vốn nhà nước do thành phố Huế trực tiếp quản lý;

(Không gồm thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu ngân sách trung ương hưởng 100% theo qui định).

b) Thu từ các hoạt động khác

- Các khoản phí, lệ phí do các đơn vị cấp huyện thu phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật;

- Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất);

- Các khoản thu sự nghiệp do các đơn vị cấp huyện thu phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật;

- Tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do các huyện, thành phố Huế quản lý khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do huyện quản lý;

- Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu theo qui định của pháp luật nộp ngân sách huyện;

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho huyện theo qui định của pháp luật;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (bao gồm thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh);

- Thu chuyển nguồn của ngân sách huyện từ năm trước sang năm sau;

- Thu kết dư ngân sách huyện;

- Các khoản thu khác của ngân sách huyện theo qui định pháp luật;

- Thu nhập từ vốn góp của ngân sách thành phố, tiền thu hồi vốn của ngân sách thành phố tại các cơ sở kinh tế, thu thanh lý tài sản và các khoản thu khác của doanh nghiệp có vốn nhà nước do thành phố quản lý, phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật.

3. Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%

- Thuế nhà đất;

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất (đối với xã, thị trấn);

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;
- Lệ phí trước bạ nhà, đất (đối với xã, thị trấn);
- Tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước thu từ quỹ đất do cấp xã quản lý;
- Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do xã quản lý khi được cấp có thẩm quyền cho phép;
- Thu hoa lợi công sản;
- Các khoản phí, lệ phí do xã thu phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật (trừ phí chợ trên địa bàn Phường đã có quy định tại điểm II.2);
- Các khoản thu sự nghiệp do xã thu phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật;
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do xã quản lý;
- Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu theo qui định của pháp luật nộp ngân sách xã;
- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho xã theo qui định của pháp luật;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;
- Thu kết dư ngân sách xã;
- Thu chuyển nguồn của ngân sách xã từ năm trước sang năm sau;
- Các khoản thu khác của ngân sách xã theo qui định pháp luật;

II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm

1. Tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện

Bao gồm các khoản thu: Các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, phí, thuế tài nguyên...) thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp doanh, công ty cổ phần (trừ doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ kinh tế cá thể):

- Ngân sách tỉnh hưởng 70% trên các khoản thu phân chia.
- Ngân sách huyện hưởng 30 % trên các khoản thu phân chia.

2. Tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa ngân sách huyện với ngân sách từng xã

Bao gồm khoản thu: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, thuế tài nguyên... từ đơn vị kinh tế tập thể; hộ cá thể có bậc môn bài từ 1 đến 6 (kể cả hộ cá thể ở các chợ); lệ phí trước bạ nhà đất, phí chợ, thuế chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn phường; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước do huyện quản lý.

Chi tiết tỉ lệ phân chia giữa ngân sách huyện và ngân sách từng xã theo Phụ lục 1 đính kèm. Riêng các khoản thu từ hộ cá thể (thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài) ở trong chợ Đông Ba, An Cựu phân chia cho ngân sách thành phố Huế hưởng 100%.

Chi tiết tỉ lệ phân chia khoản thu lệ phí trước bạ nhà, đất, phí chợ, thuê chuyên quyền sử dụng đất giữa ngân sách thành phố Huế với ngân sách từng phường theo Phụ lục 2 đính kèm. Riêng các chợ Đông Ba, An Cựu do UBND thành phố trực tiếp quản lý, ngân sách thành phố Huế hưởng 100 % tiền phí chợ và cấp hỗ trợ lại cho ngân sách các phường 3 % tiền phí chợ thực nộp NSNN.

UBND các huyện quyết định việc phân chia tiền thu sử dụng lô chợ phù hợp với cơ chế huy động vốn đối với việc đầu tư xây dựng chợ và nhu cầu nâng cấp, sửa chữa các chợ trên địa bàn.

III. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100 % có hỗ trợ lại một phần cho ngân sách huyện

Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện:

1. Thu xử phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông

Hỗ trợ 30% tiền thu phạt phân do Công an các huyện thực hiện để chi cho các hoạt động có liên quan đến đảm bảo trật tự an toàn giao thông thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách huyện (gồm cả chi cho lực lượng xung kích).

2. Thu phạt khai thác và kinh doanh lâm sản trái pháp luật

Hỗ trợ 50% số tiền thực thu nộp NSNN đối với các vụ khai thác và kinh doanh lâm sản trái pháp luật do UBND xã trực tiếp phát hiện và chuyển cho cơ quan bảo vệ pháp luật sau khi trừ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý của các cơ quan kiểm lâm, công an... theo chế độ của TW và của tỉnh để chi cho các hoạt động bảo vệ rừng, đầu tư cơ sở hạ tầng.

3. Thu từ các doanh nghiệp mới thành lập

Hỗ trợ tối thiểu 20 % trên số thu thực tế phát sinh ngân sách tỉnh hưởng từ các doanh nghiệp do huyện trực tiếp vận động đầu tư trong thời gian 24 tháng kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN.

Tối thiểu 20 % trên số thu thực tế phát sinh ngân sách tỉnh hưởng trong thời gian 24 tháng kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN của các doanh nghiệp mới thành lập từ năm 2007 - 2010 thuộc Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Khu Công nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

4. Tiền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Huế

Hỗ trợ phần chênh lệch lớn hơn giữa 20% số thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh hưởng từ quỹ đất trên địa bàn thành phố Huế với 20% số thu tiền sử dụng đất ngân sách thành phố Huế hưởng theo phân cấp (không gồm tiền sử dụng đất do bán các công trình trụ sở cơ quan nhà nước).

5. Phí bảo vệ môi trường

Hỗ trợ tối thiểu 50 % số thu phí bảo vệ môi trường thu từ hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện nhưng phân chia cho ngân sách tỉnh hưởng theo phân cấp

để thực hiện các dự án đầu tư bảo vệ, tái tạo môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Huế, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Lý

Phụ lục số 1

**TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH GIỮA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ HUẾ
VỚI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

(Kèm theo Quyết định số 2802/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính : %

STT	Xã, phường, thị trấn	TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ HUẾ VỚI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN															
		Thuế GTGT từ đơn vị kinh tế tập thể và hộ cá thể		Thuế TNDN từ đơn vị kinh tế tập thể và hộ cá thể		Thuế TTĐB từ đơn vị kinh tế tập thể và hộ cá thể		Thuế tài nguyên từ đơn vị kinh tế tập thể và hộ cá thể		Thuế môn bài từ đơn vị kinh tế tập thể		Thuế môn bài từ hộ cá thể (kể cả hộ cá thể ở chợ)		Tiền sử dụng đất do huyện, xã quản lý		Tiền thuê đất, thuê mặt nước do huyện quản lý	
		Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã
I	Huyện Phong Điền																
1	Phong Chương	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
2	Phong Sơn	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
3	Phong Xuân	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
4	Phong Mỹ	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
5	Phong Hải	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
6	Điền Hương	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
7	Điền Môn	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
8	Điền Hoà	30	70	30	70	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
9	Phong Hoà	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
10	Phong Bình	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
11	Phong Thu	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
12	Điền Lộc	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
13	Điền Hải	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0
14	Phong Hiền	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	30	70	100	0

9	Hương Phong	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
10	Hương Toàn	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
11	Hương Hồ	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
12	Hương Xuân	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
13	Hương Văn	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
14	Bình Điền	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	40	60	100	0
15	Hương Vinh	90	10	90	10	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
16	Thị trấn Tứ Hạ	90	10	90	10	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
IV	Huyện Hương Thủy																
1	Phú Sơn	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
2	Dương Hoà	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
3	Thủy Thanh	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
4	Thủy Lương	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
5	Thủy Tân	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
6	Thủy Văn	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
7	Thủy Bằng	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
8	Thủy Phương	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
9	Thủy Châu	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
10	Thủy Phù	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
11	Thủy Dương	70	30	70	30	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
12	Thị trấn Phú Bài	95	5	95	5	0	100	0	100	0	100	0	100	60	40	100	0
V	Huyện Phú Vang																
1	Phú Xuân	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	50	50	100	0

24	Phú Nhuận	95	5	95	5	95	5	95	5	0	100	0	100	95	5	80	20	100	0
25	Thuận Thành	95	5	95	5	95	5	95	5	0	100	0	100	95	5	80	20	100	0

Ghi chú : _Riêng các khoản thu từ hộ cá thể (thuế GTGT, TNDN, TTĐB, thuế môn bài) ở trong chợ Đông Ba và An Cựu phân chia cho ngân sách thành phố Huế hưởng 100%.

Phụ lục số 2

**TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH GIỮA NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ HUẾ VỚI NGÂN SÁCH TÙNG XÃ, PHƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 2802/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính : %

STT	Tên Phường, xã	TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH TP HUẾ VỚI NGÂN SÁCH TÙNG XÃ , PHƯỜNG (%)										Ghi chú	
		Lệ phí trước bạ nhà, đất trên địa bàn phường		Phí chợ do xã, phường quản lý		Thuế chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn phường							
		TP Huế	Phường, Xã	TP Huế	Phường, Xã	TP Huế	Phường, Xã	TP Huế	Phường, Xã				
	Thành phố Huế												
1	Xã Hương Sơ	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100		
2	Xã Hương Long	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100		
3	Xã Thủy Biều	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100		
4	Xã Thủy Xuân	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100		
5	Xã Thủy An	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100		
6	Phường Vĩnh Ninh	100	0	50	50	0	50	70	30				
7	Phường Tây Lộc	100	0	50	50	0	50	70	30				
8	Phường Xuân Phú	100	0	0	100	0	100	70	30				
9	Phường Phú Cát	100	0	0	100	0	100	70	30				
10	Phường An Cựu	100	0	0	100	0	100	70	30				
11	Phường Kim Long	100	0	0	100	0	100	70	30				

12	Phường Phường Đức	100	0	0	0	100	70	30	
13	Phường Võ Dạ	100	0	0	0	100	70	30	
14	Phường Trường An	100	0	0	0	100	70	30	
15	Phường Phú Bình	100	0	0	0	100	70	30	
16	Phường Phước Vĩnh	100	0	0	0	100	70	30	
17	Phường Phú Hoà	100	0	0	0	100	70	30	
18	Phường Thuận Hoà	100	0	0	0	100	70	30	
19	Phường Phú Hiệp	100	0	0	0	100	70	30	
20	Phường Phú Thuận	100	0	0	0	100	70	30	
21	Phường Thuận Lộc	100	0	0	0	100	70	30	
22	Phường Phú Hậu	100	0	0	0	100	70	30	
23	Phường Phú Hội	100	0	0	0	100	70	30	
24	Phường Phú Nhuận	100	0	0	0	100	70	30	
25	Phường Thuận Thành	100	0	0	0	100	70	30	

Ghi chú: Phí thu từ các chợ do UBND thành phố Huế trực tiếp quản lý (chợ Đông Ba, chợ An Cựu) phân chia cho ngân sách thành phố hưởng 100% và hỗ trợ cho ngân sách các phường 3% tiền phí chợ thực nộp NSNN.